

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2022
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Hoàng Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thanh Huyền-
Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/2022/HNGĐ-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐXXPT - HNGĐ ngày 10/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT ngày 25/11/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật ông Lương Văn C - Giám đốc. Người được ủy quyền bà Thẩm Thị Hồng H - Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng.

Địa chỉ: Thị trấn T S, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

3. Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Xóm M T, xã Đ Q, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

4. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu T T, thị trấn T S, huyện T S, Phú Thọ. (Vắng mặt)

5. Bà Hà Ngọc Anh, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Xóm H B, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

6. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Anh Hoàng Ngọc T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Hoàng Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và Chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu, không còn tình yêu thương, anh nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

* Về con chung: anh chị có 03 con chung là Hoàng Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/10/2010, Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11/10/2014 và Hoàng Kim T sinh ngày 27/09/2019. Tại phiên tòa, Anh T đề nghị xin nuôi cả 03 con chung, anh yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung gồm: 100 cây cam vinh; 20 cây bưởi diển; 1.400m² cây chè trồng trên đất của bố mẹ Anh T; 05 con lợn nái; 11 con lợn bột; chuồng lợn nái 08 buồng, 04 sàn đẻ, diện tích 166,5m²; 01 nhà xây diện tích 73,14 m²; 01 nhà bếp diện tích 21m²; Công trình phụ (01 buồng tắm, 01 buồng vệ sinh), diện tích 7,4m²; Sân trước khu vệ sinh, diện tích 7,68m². Toàn bộ công trình, cây trồng đều xây và trồng trên diện tích đất của bố mẹ Anh T cho riêng Anh T. Ngoài ra còn 01 xe máy Honda, anh đang sử dụng. Tài sản chung và trị giá tài sản đã được xác định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2022 và biên bản định giá tài sản ngày 8/7/2022. Khi Ly hôn, Anh T đề nghị chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

* Về công nợ chung: anh chị có những khoản nợ sau:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Võ Miếu số tiền 120.000.000đ.

Chi hội phụ nữ Xóm D xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ do bà Hoàng Thị H là chi hội trưởng số tiền 5.000.000 đ.

Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1983; địa chỉ Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 5.000.000đ.

Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1957; địa chỉ Xóm M T, xã Đ Q, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 31.000.000đ.

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ Khu T T, thị trấn T S, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 18.000.000đ và 01 chỉ vàng.

Bà Hà Ngọc Anh, sinh năm 1969 ở xóm H B, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền mua cám trị giá 50.358.000đ.

Bà Hoàng Thị H sinh năm 1978 ở Xóm D xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ 04 chỉ vàng vay để mua rấn nuôi. Anh T đề nghị chia đôi công nợ.

Theo Anh T số tiền thu về từ công trình xây dựng nhà bà Nga ở Văn Luông Tân Sơn; bà Thịnh ở xã V M; Trường THCS xã V M theo Anh T trình bày là 78.000.000đ. Anh đã trả tiền công thợ 65.200.000đ hiện tại còn 12.800.000đ số tiền này đã chi vào việc gia đình.

*Tại phiên tòa, Chị Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận, Anh Hoàng Ngọc T đã trình bày về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống và ly thân là đúng. Do vợ chồng chị đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, không thể chung sống cùng nhau nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như Anh T đã trình bày. Khi ly hôn Chị H xin nuôi cháu Hoàng Kim T, sinh ngày 27/9/2019, giao cho Anh Hoàng Ngọc T nuôi dưỡng các cháu Hoàng Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/10/2010, Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11/10/2014.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị xác nhận các tài sản chung và một số công nợ chung Anh T kê khai trên là đúng. Ly hôn, chị đề nghị chia tài sản và công nợ theo quy định của pháp luật.

Riêng số tiền 50.358.000đ Anh T khai nợ tiền cám của bà Hà Ngọc Anh, và 04 chỉ vàng của bà Hoàng Thị H, Chị H không biết nên không nhất trí tính vào nợ chung.

Ngoài ra trong thời gian vợ chồng sống ly thân Anh T còn thu được số tiền công Anh T xây nhà cho bà Nga, bà Thịnh và Trường THCS xã V M số tiền 78.000.000đ chị đề nghị tính vào tài sản chung vợ chồng.

Quá trình định giá và tại phiên tòa, Anh T Chị H thống nhất không đề nghị xem xét giải quyết một số công trình nhỏ gồm: Phần hè của nhà diện tích 22,2m²; Sân xi măng giữa vườn và nhà diện tích 49,56m²; Sân xi măng giữa nhà và cổng diện tích 45m²; 02 trụ cổng kích thước 40x40, cao 2m; và toàn bộ cửa gỗ gắn với nhà.

Tại phiên tòa Anh T và Chị H thống nhất thỏa thuận 01 xe máy Honda Anh T đang sử dụng trị giá 10.000.000đ.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có mặt tại phiên tòa nhưng có trình bày quan điểm tại bản tự khai như sau:*

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T S do bà Thắm Thị Hồng Hiên - Trưởng phòng tín dụng trình bày: Ngày 30/6/2021 ông Hoàng Ngọc Thu và bà Trịnh Thị Hải có vay nợ của ngân hàng tính đến ngày 18/3/2022 dự nợ gốc là 120.000.000đ và lãi là 603.000 đ. Đại diện ngân hàng có quan điểm : khi phân chia tài sản , ai là người sở hữu, sử dụng tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất số CX 430507, thửa số 4, tờ bản đồ số 42, diện tích 2.013,3 m² tại Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ thì người đó có trách nhiệm trả nợ tiền vay và tiền lãi và phí phát sinh cho Agribank chi nhánh huyện T S, Phú Thọ.

Quan điểm của bà Hoàng Thị H: Năm 2014 vợ chồng Anh T, Chị H có vay của bà số tiền 18.000.000đ và 01 chỉ vàng để làm nhà. Nay vợ chồng anh chị ly hôn, bà đề nghị phải trả tiền và vàng cho bà, bà không đề nghị tính lãi.

Quan điểm của bà Hà Ngọc Anh: Anh T, Chị H có lấy thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của bà kể từ ngày 21/4/2021 đến ngày 27/01/2022 (Âm lịch) với số tiền là 50.358.000đ, nay vợ chồng anh chị ly hôn bà đề nghị vợ chồng Anh T, Chị H phải trả số tiền trên cho bà, bà không đề nghị tính lãi.

Quan điểm của bà Hoàng Thị H: Năm 2015 vợ chồng anh chị Thu Hải có vay tiền của bà vào mục đích nuôi rắn với số tiền 4 chỉ vàng và vay của chi hội phụ nữ Xóm D do bà làm chi hội trưởng với số tiền 5.000.000đ. Nay vợ chồng Anh T, Chị H ly hôn bà đề nghị trả lại số vàng và tiền đã vay, bà không yêu cầu tính lãi.

Quan điểm của ông Trịnh Xuân L: Năm 2015 vợ chồng Anh T, Chị H có vay của ông số tiền là 31.000.000đ, nay vợ chồng anh chị ly hôn ông đề nghị anh chị Thu Hải phải trả cho ông số tiền trên, ông không tính lãi.

Quan điểm của ông Nguyễn Bá L: Năm 2014 vợ chồng Anh T, Chị H có vay của ông số tiền 5.000.000đ, nay anh chị ly hôn ông đề nghị Anh T, Chị H phải trả số tiền trên, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại bản án sơ thẩm số:32/2022/HNGĐ-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S đã quyết định:

Áp dụng các Điều 55+ 59; Điều 60; Điều 81+ 82+ 83- Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 2+4 Điều 147; Khoản 2+3 Điều 157; Khoản 2 Điều 165; Khoản 1 Điều 273- BLTTDS; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Hoàng Ngọc T và Chị Trịnh Thị H.

2. Về con chung: Giao cho Anh Hoàng Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/10/2010, Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11/10/2014. Giao cho Chị Trịnh Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Kim T sinh ngày 27/09/2019, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các con chung thành niên, tự lực được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Giao cho Anh Hoàng Ngọc T sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 73,14m² xây năm 2014, xây trên diện tích đất là tài sản riêng của Anh T, nhà trị giá 351.926.112đ (Ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm mười hai đồng), cùng toàn bộ các công trình xây trên đất gồm: Nhà bếp diện tích 8,4 m², trị giá 23.490.600đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm đồng); Khu vệ sinh gồm 01 buồng tắm và công trình phụ diện tích 7,04m², sân trước khu vệ sinh diện tích 7,68m², giá 44.642.816đ (Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm mười sáu

đồng); 100 cây cam vinh, giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 20 cây bưởi diển , giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng); 300m² diện tích chè trị giá 16.800.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng); 05 con lợn nái và 11 con lợn bột, giá 72.350.000đ (Bảy mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) ; 08 chuồng lợn nái diện tích 166,5m², giá 133.033.500đ (Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng); 01 xe máy Honda giá 10.000.000đ (Mười triệu). Tổng giá trị tài sản chung của Anh T, Chị H, tính tròn số = 663.243.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Anh T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho Chị H 150.000.000đ. và thanh toán trả Chị H 23 công tham gia xây dựng, số tiền 6.210.000đ. Tổng hai khoản = 156.210.000đ.

Về công nợ: Giao cho Anh Hoàng Ngọc T có nghĩa vụ trả toàn bộ công nợ chung gồm:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Võ Miếu số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Chi hội phụ nữ Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ do bà Hoàng Thị H là chi hội trưởng số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Bá L, địa chỉ Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 5.000.000đ(Năm triệu đồng).

Ông Trịnh Xuân L, địa chỉ Xóm M T, xã Đ Q, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 31.000.000đ(Ba mươi một triệu đồng).

Bà Hoàng Thị H, địa chỉ Khu T T, thị trấn T S, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và 01 chỉ vàng trị giá 5.280.000đ(Năm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Hà Ngọc Anh, địa chỉ: Xóm H B, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.358.000đ (Năm mươi triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bà Hoàng Thị H, địa chỉ: Xóm D xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ 04 chỉ vàng trị giá 21.120.000đ (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền đề nghị thi hành án, quyền kháng cáo và các quyền khác theo quy định.

Ngày 12/9/2022, Anh T kháng cáo bản án về con chung, công nợ chung, tài sản chung. Với nội dung: Không nhất trí việc giao cháu Hoàng Kim T, sinh năm 2019 cho Chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, và đề nghị giao lại toàn bộ tài sản chung và công nợ cho Chị Trịnh Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh T rút kháng cáo về con chung và thay đổi nội dung kháng cáo về công nợ chung và tài sản chung. Anh đề nghị được sở hữu, sử dụng tài sản chung, trả nợ chung như bản án sơ thẩm nhưng anh không đồng ý trả cho Chị H tổng số 156.210.000đ như quyết định của bản án sơ thẩm mà chỉ đồng ý thanh toán tổng số tiền 80.000.000đ đồng cho Chị H.

Tại phiên tòa, Chị H đồng ý nhận tổng số tiền 80.000.000 đồng Anh T thanh toán.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về con chung của Anh T, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Anh Hoàng Ngọc T, ghi nhận thỏa thuận của Anh T, Chị H tại phiên tòa. Sửa bản án bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2022/HNGĐ-ST ngày 31/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của Anh T hợp lệ, trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh T rút kháng cáo về con chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo về tài sản chung, công nợ chung, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo về tài sản chung, công nợ chung. Trong đơn kháng cáo Anh T đề nghị giao lại toàn bộ công nợ chung và tài sản chung cho Chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm Anh T và Chị H thống nhất thỏa thuận toàn bộ về tài sản chung, công nợ chung như sau: giao cho Anh T được quyền sử hữu 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 73,14m² xây năm 2014, nhà trị giá 351.926.112đ (Ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm mười hai đồng), cùng toàn bộ các công trình xây trên đất gồm: Nhà bếp diện tích 8,4 m², trị giá 23.490.600đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm đồng); Khu vệ sinh gồm 01 buồng tắm và công trình phụ diện tích 7,04m², sân trước khu vệ sinh diện tích 7,68m², giá 44.642.816đ (Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm mười sáu đồng); 100 cây cam vinh, giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 20 cây bưởi diển , giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng); 300m² diện tích chè trị giá 16.800.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng); 05 con lợn nái và 11 con lợn bột, giá 72.350.000đ (Bảy mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng); 08 chuồng lợn nái diện tích 166,5m², giá 133.033.500đ (Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng); 01 xe máy Honda giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung của Anh T, Chị H, tính tròn số = 663.243.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Toàn bộ các tài sản chung trên được xây và trồng trên diện tích đất là tài sản riêng của Anh T ở thửa đất số 43 nay là thửa số 4 từ bản đồ số 42 nay là 43 tại Xóm D, Võ Miếu, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Về công nợ chung: Anh Hoàng Ngọc T có nghĩa vụ trả toàn bộ công nợ chung gồm: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Võ Miếu số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Chi hội phụ nữ Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 5.000.000 đ (Năm

triệu đồng). Ông Nguyễn Bá L, số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ông Trịnh Xuân L số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng). Bà Hoàng Thị H, số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và 01 chỉ vàng trị giá 5.280.000đ (Năm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng)

Bà Hà Ngọc Anh số tiền 50.358.000đ (Năm mươi triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Bà Hoàng Thị H 04 chỉ vàng trị giá 21.120.000đ (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng). Anh T và Chị H thống nhất giao toàn bộ tài sản chung và công nợ chung nêu trên, Anh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho Chị H tổng số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn). Sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự không trái với đạo đức và các quy định của pháp luật nên được công nhận. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của Anh T và Chị H theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Trong vụ án này, quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa bà Hoàng Thị Sửu là mẹ Anh T vào tham gia tố tụng và không tính án phí đối với số tiền Anh T, Chị H phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, cần được rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do có thay đổi về phần tài sản được chia nên sửa án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Anh T được chấp nhận nên Anh T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về con chung.

Ghi nhận thỏa thuận của Anh Hoàng Ngọc T và Chị Trịnh Thị H về tài sản chung, công nợ chung. Sửa bản án sơ thẩm số: 32/2022/HNGĐ-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về con chung: Giao cho Anh Hoàng Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/10/2010 và Hoàng Ngọc L, sinh ngày 11/10/2014. Giao cho Chị Trịnh Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là

Hoàng Kim T sinh ngày 27/09/2019, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung thành niên, tự lực được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì không ai yêu cầu. Anh T và Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung, công nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Anh Hoàng Ngọc T và Chị Trịnh Thị H về việc giao cho Anh Hoàng Ngọc T sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 73,14m² xây năm 2014, xây trên diện tích đất là tài sản riêng của Anh T (thửa số 4, tờ bản đồ số 42, diện tích 2.013,3 m² tại Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ), nhà trị giá 351.926.112đ (Ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm mười hai đồng), cùng toàn bộ các công trình xây trên đất gồm: Nhà bếp diện tích 8,4 m², trị giá 23.490.600đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm đồng); Khu vệ sinh gồm 01 buồng tắm và công trình phụ diện tích 7,04m², sân trước khu vệ sinh diện tích 7,68m², giá 44.642.816đ (Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm mười sáu đồng); 100 cây cam vinh, giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 20 cây bưởi diên , giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng); 300m² diện tích chè trị giá 16.800.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng); 05 con lợn nái và 11 con lợn bột, giá 72.350.000đ (Bảy mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) ; 08 chuồng lợn nái diện tích 166,5m², giá 133.033.500đ (Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng); 01 xe máy Honda giá 10.000.000đ (Mười triệu). Tổng giá trị tài sản chung của Anh T, Chị H, tính tròn số = 663.243.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Anh T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho Chị H tổng số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn).

Về công nợ: Giao cho Anh Hoàng Ngọc T có nghĩa vụ trả toàn bộ công nợ chung gồm:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Võ Miếu số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2715-LAV-2021 03608 ngày 30/6/2021.

Chi hội phụ nữ Xóm D xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ do bà Hoàng Thị H là chi hội trưởng số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Bá L, địa chỉ Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ông Trịnh Xuân L, địa chỉ Xóm M T, xã Đ Q, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng).

Bà Hoàng Thị H, địa chỉ Khu T T, thị trấn T S, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và 01 chỉ vàng trị giá 5.280.000đ (Năm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Hà Ngọc Anh, địa chỉ: Xóm H B, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.358.000đ (Năm mươi triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bà Hoàng Thị H, địa chỉ: Xóm D, xã V M, huyện T S, tỉnh Phú Thọ 04 chỉ vàng trị giá 21.120.000đ (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà Hà, ông Lương, ông Liên, bà Hưng, bà Anh có đơn yêu cầu thi hành án mà Anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho những người được thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả, Anh T còn phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Hoàng Ngọc T phải nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị Trịnh Thị H phải nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ngày 13/4/2022, Anh T nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí tố tụng; Ngày 03/5/2022, Chị H nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Hoàn trả cho Anh T, Chị H mỗi người 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng chi phí đã nộp. Ngày 15/9/2022, Anh T đã nhận đủ 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu 23.330.000 đ (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản. Tổng số tiền án phí Anh T phải chịu là 23.480.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006652 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Anh T còn phải nộp số tiền 23.180.000 đ (Hai mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Chị Trịnh Thị H phải chịu 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng) án phí chia tài sản. Được khấu trừ số tiền Chị H đã nộp 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006758 ngày 25/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T S. Trả lại cho Chị H số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho Anh Hoàng Ngọc T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006905 ngày 15/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện T S;
- Chi cục THADS huyện T S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương